TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 – 6 – 2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha;

2. Ông Võ Thanh Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Ô, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Kim Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày:

Nguyên vào năm 2017, bà và ông Kim Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017, ngày 18/4/2017. Sau khi kết hôn bà D và ông T chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà D và ông T có một người con chung là Kim Thành L, sinh ngày 24/10/2017 hiện đang chung sống với bà; về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Kim Thanh T; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Kim Thành L, sinh ngày 24/10/2017 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Kim Thanh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Kim Thanh T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị D.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Kim Thành L, sinh ngày 24/10/2017 cho bà Thạch Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Kim Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị D xác định bà và ông Kim Thanh T đã tự thỏa thuận về tài sản chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị D xác định trong thời gian chung sống bà và ông Kim Thanh T không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Kim Thanh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Kim Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị D xác định bà và ông Kim Thanh T chung sống với nhau theo nghĩa vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 56/2017, ngày 18/4/2017. Hôn nhân của bà D và ông T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/02/2024 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T với lý do trong quá trình chung sống, đến khoảng năm 2018 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi bà D chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Kim Thanh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị D xác định trong thời gian chung sống bà và ông T có 01 (một) người con chung là Kim Thành L, sinh ngày 24/10/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D xác định từ khi bà và ông T sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, hiện nay cháu L vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà D và ông T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu L chung sống với bà D, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu L. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án bà D không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Kim Thanh T mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị D xác định bà và ông Kim Thanh T đã tự thỏa thuận về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị D xác định bà và ông Kim Thanh T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Thạch Thị D phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Kim Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị D được ly hôn với ông Kim Thanh T.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Kim Thành L, sinh ngày 24/10/2017 cho bà Thạch Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Kim Thanh T mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị D chưa có yêu cầu ông Kim Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003346 ngày 25/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà D đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Kim Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- UBND xã Châu Điền,
huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo